

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **465/2026/DS-PT**

Ngày: 11/6/2026

V/v: *Tranh chấp chia thừa kế*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Thắng

Các Thẩm phán: Ông Đinh Như Lâm

Bà Nguyễn Thị Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Phương Dung

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên

Trong các ngày 09 và 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 600/2025/DSPT ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp chia thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2025/DS - ST ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 337/2026/QĐXXPT-DS ngày 18/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 393/2026/QĐ-HPT ngày 01/6/2026, giữa:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số A M, tổ B phường Ô, quận Đ, Hà Nội (nay là phường Ô, Hà Nội. Có mặt.

1.2. Bà Nguyễn Thị Hồng L1, sinh năm 1971. Địa chỉ: D - D6 H, phường Q, quận H, Hà Nội (nay là phường B, Hà Nội). Có mặt.

2. Đồng bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số A ngõ C H, phường Ô, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số A ngõ C H, phường Ô, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2.3. Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số A ngõ C H, phường Ô, Thành phố Hà Nội. Hiện thi hành án trong vụ án hình sự tại Trại giam S3 – Bộ C2. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số C L, phường Ô, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường Ô, Hà Nội). Nơi ở: Số A H, phường L, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số A tổ C H, phường Ô, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số A tổ C H, phường Ô, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977. Địa chỉ: P- B K, phường K, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Số A phố H, phường B, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.5. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1959 (chết năm 2009).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S:

- Bà Vũ Thị Bích L2, sinh năm 1964 (Vợ ông S). Địa chỉ: Số A ngõ C H, phường Ô, Thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1986 (Con ông S). Địa chỉ: Số G L, phường N, quận T, Thành phố Hà Nội (nay là phường T, Hà Nội). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1988 (Con ông S). Địa chỉ: Số B ngõ A T, Y, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường Đ, Hà Nội). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Duy A, sinh năm 1998 (Con ông S). Địa chỉ: Số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường Ô, Hà Nội). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.6. Chị Nguyễn Khánh L3, sinh năm 1998 (con ông T). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Chị Nguyễn Hải Y, sinh năm 2000 (con ông T). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Số A ngõ C H, phường Ô, thành phố Hà Nội.

3.8. Bà Phạm Thị Minh T1, sinh năm 1972 (vợ ông Đ). Có mặt.

3.9. Chị Nguyễn Thu T4, sinh năm 1997 (con ông Đ). Vắng mặt.

3.10. Cháu Nguyễn Thùy L4, sinh năm 2021 (cháu ông Đ). Vắng mặt.

Cùng trú tại: Số A ngõ C H, phường Ô, thành phố Hà Nội.

3.11. Bà Nguyễn Ngọc Y1, sinh năm 1979 (vợ ông C). Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

3.12. Cháu Nguyễn Văn S1, sinh năm 2006 (con ông C). Vắng mặt.

3.13. Cháu Nguyễn Văn T2, sinh năm 2011. Vắng mặt.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Ngọc Y1. Ông C vắng mặt, bà Y1 có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

Cùng trú tại: Số A ngõ C H, phường Ô, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L và bà Nguyễn Thị Hồng L1 cùng trình bày:*** Bà L1, bà L là con của cụ ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1920 (chết ngày 05/6/2008) và cụ bà Hoàng Thị C1 (chết ngày 23/9/2020). Cụ V1, cụ C1 sinh được 10 người con, cụ thể là:

1. Nguyễn Văn N, sinh năm 1953.
2. Nguyễn Thị D, sinh năm 1957.
3. Nguyễn Văn S, sinh năm 1959 (chết ngày 17/7/2009).
4. Nguyễn Thị V, sinh năm 1962.
5. Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1964.
6. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967.
7. Nguyễn Văn T, sinh năm 1969.
8. Nguyễn Thị Hồng L1, sinh năm 1971.
9. Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1973.
10. Nguyễn Thị M, sinh năm 1977.

Cụ Nguyễn Văn V1 còn có 1 người con riêng là Nguyễn Văn L5, sinh năm 1987, CCCD số 001087018040 cấp ngày 19/04/2021. Ông L5 đã lập văn bản khước từ quyền thừa kế tại phòng công chứng Lê Vinh H2, số công chứng 1233 quyền số 03/08/2023. Ngoài những người con nêu trên cụ V1, cụ C1 không có người con nuôi, con riêng nào khác. Ông bà nội ngoại của bà L, bà L1 cũng đều đã chết khi bố mẹ của bà L, bà L1 còn sống.

Cụ V1, cụ C1 chết để lại khối di sản là:

- Nhà đất tại số nhà A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Thành phố Hà Nội đã được UBND quận Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 619916, Mã số: 10109114585, số QĐ cấp: 1163/2005/QĐ-UB cấp cho ông Nguyễn Văn V1 và bà Hoàng Thị C1 cấp ngày 26/05/2005, thửa đất số 210 (1 phần) tờ bản đồ số 7G-III-48, tổng diện tích 123,5m², hình thức: sử dụng riêng, thời hạn sử dụng: Lâu dài, Tài sản gắn liền với đất: Nhà bê tông 02 tầng. Diện tích xây dựng 20,0 m², DTSD: 40,0 m².

- Ngoài di sản này, cụ C1 còn có một dây chuyền bằng vàng mặt đá 13,420 chỉ vàng (dây có trọng lượng 9,93,8 chỉ, mặt dây có trọng lượng: 3,48,2 chỉ) hiện đang do bà Nguyễn Thị Hồng Lê G.

Chúng tôi đề nghị Tòa án chia đều cho 10 anh chị em.

Năm 2005, khi bố mẹ chúng tôi còn sống thì toàn bộ thửa đất số 210 có diện tích 368,5m², bố mẹ chúng tôi đã chia cho các anh em chúng tôi như sau:

- Ông Nguyễn Văn N được đứng tên 100m² đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Bà Nguyễn Thị Bích L được đứng tên 100m².

- Ông Nguyễn Văn S được đứng tên 45m² đã được UBND quận Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007 mang tên ông Nguyễn Văn S và bà Vũ Thị Bích L2.

- Còn lại diện tích đất 123,5 m² thì bố mẹ tôi ở cùng với ông Nguyễn Văn T.

Phần diện tích đất của ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn S đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn phần Nguyễn Thị Bích L được đứng tên thì ông bà đã bán và chia phần giá trị cho các con hết. Về các phần diện tích đất này chúng tôi không thắc mắc gì. Phần diện tích đất 123,5 m² đã đứng tên ông Nguyễn Văn V1 và bà Hoàng Thị C1 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bố mẹ chúng tôi mất đi không để lại di chúc. Tình trạng nhà khi mẹ chúng tôi mất là nhà 03 tầng 01 tum được xây dựng trên một phần diện tích đất khoảng 40m², diện tích đất còn lại phía sau sát với nhà 03 tầng 01 tum là có nhà cấp 4 khoảng 50m² do bố mẹ tôi xây, phần đất còn lại giáp mặt ngõ 34 Hoàng Cầu là nhà 03 tầng vợ chồng anh Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng từ khi bố mẹ còn sống cho đến nay. Hiện nay nhà đất này đang do 03 người con trai là ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Mạnh C cùng vợ con các ông đang quản lý, sử dụng. Gia đình anh em các bà đã nhiều lần họp bàn về phân chia di sản mà không thỏa thuận được.

Chúng tôi xin tuân thủ theo pháp luật, nếu 3 người có tên trên có giấy tờ đầy đủ, giấy tờ có pháp lý đầy đủ thể hiện quyền sở hữu của mình trên phần đất thì tôi xác nhận để đảm bảo quyền lợi cho các em tôi không bị thiệt thòi. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn V1, bà Hoàng Thị C1 tại địa chỉ A ngõ C H, phường Ô đang do ông Nguyễn Văn T giữ.

Nay chúng tôi đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa giải quyết chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn V1 và bà Hoàng Thị C1 để lại là Thửa đất số 210 (01 phần), tờ bản đồ số 7G-III-48, địa chỉ: Số A ngõ C phố H, phường Ô, quận Đ, Thành phố Hà Nội đứng tên cụ Nguyễn Văn V1 và Hoàng Thị C1 theo quy định của pháp luật. Ai được hưởng đất thì thanh toán cho các đồng thừa kế bằng tiền. Chúng tôi xin nhận bằng tiền.

Chúng tôi không đồng ý với ý kiến của ông T cho rằng diện tích đất 40m² nằm trong di sản thừa kế đã được cho ông T từ trước khi bố mẹ chúng tôi mất. Chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** *Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng tiếp theo tại Tòa cũng như tại phiên tòa, Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*** Ông T xác nhận bố mẹ đẻ ông là cụ ông Nguyễn Văn V1 và cụ bà Hoàng Thị C1.

Cụ Nguyễn Văn V1, sinh năm 1920 (mất ngày 05/06/2008), cụ Hoàng Thị C1 (mất ngày 23/09/2020). Bố mẹ ông sinh được 10 người con như bà L, bà L1 trình bày là đúng. Ngoài ra bố ông cụ Nguyễn Văn V1 còn có 01 con riêng Nguyễn Văn L5, sinh năm 1987 CCCD 001087018040 Cấp ngày 19/04/2021. Ông L5 đã có văn bản

khước từ quyền hưởng thừa kế do cụ Nguyễn Văn V1 để lại được lập tại phòng C3 quyền số 03/8/2023. Ông T khẳng định ngoài những người con nêu trên cụ V1, cụ C1 không có người con nuôi hay con riêng nào khác, ông bà nội ngoại hai bên của cụ V1 và cụ C1 đều đã chết khi cụ V1, cụ C1 còn sống.

Bố mẹ tôi đã mất để lại khối di sản tại số nhà A ngõ C H, Ô. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn V1, bà Hoàng Thị C1 số 210 (1 phần) tờ bản đồ số 7G III U8 tổng diện tích 123,5 m², cấp ngày 26/05/2005. Bố mẹ ông chết không để lại di chúc. Trước đây khi bố mẹ ông còn sống thì toàn bộ thửa đất số 210 có diện tích 368,5m² và bố mẹ đã chia cho các anh em ông như sau: ông Nguyễn Văn N được đứng tên 100m², Nguyễn Thị Bích L được đứng tên 100m², ông Nguyễn Văn S được đứng tên 45m², còn lại diện tích đất 123,5 m² thì bố mẹ ông đã có cho ông 40m² đất chưa có nhà, năm 2005 ông đã bỏ tiền ra xây dựng nhà 03 tầng 01 tum và cả gia đình ông ở từ đó cho đến nay, phần nhà đất ông ở được treo biển số nhà A ngõ C H. Sở dĩ sau khi được bố mẹ chia đất khi đó do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông không có tiền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng riêng tên ông. Ông đã ra Ủy ban nhân dân phường kê khai, được đo vẽ thửa đất và có số nhà riêng không liên quan gì đến nhà 116 của bố mẹ ông. Còn phần đất bố mẹ ông chia cho các anh em thì sau đó các anh em đã tự bán chứ không phải bố mẹ bán rồi chia tiền. Ông cũng không được hưởng bất kỳ đồng tiền nào từ tiền bán đất của các anh chị em trong gia đình. Phần nhà ông đang ở diện tích 40m² nằm trong diện tích đất 123,5m² nên ông tự đi đóng tiền thuế đất phần diện tích của mình không được. Trước đây bố mẹ còn sống thì ông bà đóng, sau khi ông bà mất thì không ai đóng vì nghĩ là của chung. Đến khi đủ điều kiện kinh tế ông đi làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết do thửa đất của ông có một cạnh chiều rộng không đủ 3m nên không tách được sổ đỏ. Thời điểm năm 2005 khi phân chia nhà đất gia đình ông đã có biên bản họp thống nhất giải quyết lô nhà đất đã được phân định và được phân chia ngày 25/3/2005 trong đó đã phân định rõ từng anh chị em được hưởng bao nhiêu m², bố mẹ cùng các anh chị em đều đã ký vào biên bản, có cả biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất kèm theo trong đó đã phân định rõ ông được chia 40m².

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông giữ từ khi bố mẹ ông còn sống cho đến nay vì ông có 40m² đất. Phần diện tích còn lại 83,5m² có nhà 03 tầng 01 tum là do bố mẹ ông xây dựng, hiện nay gia đình ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Mạnh C đang sinh sống. Gia đình ông Nguyễn Văn Đ đang sinh sống gồm có: ông Đ, vợ Phạm Minh T1, con trai Nguyễn Anh T3. Gia đình ông Nguyễn Mạnh C đang sinh sống gồm có: ông C, vợ Nguyễn Ngọc Y1, con trai Nguyễn Hồng S2, Nguyễn Văn T2. Còn ngôi nhà cấp 4 khoảng 50m² thì không có ai sinh sống, đang do ông Đ và ông C quản lý, sử dụng, ông không quản lý, sử dụng ngôi nhà này.

Nay nguyên đơn bà L, bà L1 đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 để lại là Thừa đất số 210 (01 phần), tờ bản đồ số 7G-III-48, địa chỉ: Số A ngõ C phố H, phường Ô, quận Đ, Thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật, ông đề nghị Tòa án xem xét xác định ông đã được bố mẹ chia cho 40m² đất, phần diện tích đất còn lại 83,5 m² thì ông cũng công nhận đó là di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại và ông cũng đồng ý chia theo pháp luật. Ai được hưởng đất thì thanh toán cho các đồng thừa kế bằng tiền. Ông xin nhận bằng hiện vật để nhập vào 40m² đất của ông. Ngoài các yêu cầu trên ông không còn bất cứ yêu cầu nào khác.

*** Tại bản tự khai ngày 13/3/2025, và biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:** Trước đây vào năm 2005, bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 (đều đã chết) sống tại số A tổ C H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội có chia thừa kế tài sản cho 10 người con vào ngày 20/3/2005 đã có hiệu lực và thống nhất con trai 40m² đất, con gái cũng được thừa hưởng 10m² đất. Sau khi chia thừa kế cho các con đầy đủ mẹ ông cụ Hoàng Thị C1 còn giữ số đất còn lại là 123,5m². Thừa đất số 210 (01 phần), sau khi cả 10 anh chị em được chia đều thừa kế của cha mẹ để lại. Thì 05 người con gái là Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Hồng Thị L6, Nguyễn thị M được hưởng 50m² nằm ở giữa giáp nhà anh Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Mạnh C. Đến khi gia đình họp lại để bán kho đất 150m² cho gia đình anh L5 và 05 chị em gái đã thu tiền về mỗi suất là 830 triệu đồng nhưng không ai đoái hoài đến mẹ tôi và thậm chí còn đòi tiền mẹ tôi là tiền làm sổ đỏ. Trong khi mẹ ông ở nhà đột nát mẹ ông có gọi ông và ông Nguyễn Mạnh C làm nhà cho cụ ở, ông và ông C đã bỏ tiền ra xây dựng ngôi nhà để làm nhà thờ và để ở cùng với cụ Hoàng Thị C1, từ năm 2010 cụ C1 đã đồng ý cho ông và ông C ở và sử dụng và định làm di chúc thừa kế cho ông và ông C nhưng vì ông T là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng của thửa đất và không chế cụ C1 nên cụ C1 chưa làm được bằng giấy tờ, mẹ tôi đã di chúc bằng miệng cho anh em ông nên ông và ông C đã bán 02 ngôi nhà để xây dựng ngôi nhà hiện nay để thờ và phụng dưỡng mẹ ông. Ông khẳng định ngôi nhà ông đang ở tại số A ngõ C Hoàng Cầu là do ông và ông C bỏ tiền ra xây dựng. Ông Đ xác nhận trong 123,5m² đất tại địa chỉ trên bố mẹ ông được cấp giấy chứng nhận có 40m² bố mẹ ông đã chia cho ông T từ khi bố mẹ ông còn sống có chiều ngang là 2,31m, chiều dài là 17,2m. Phần đất này ông T đã xây dựng nhà và ở ổn định từ khi bố mẹ chia cho đến nay. Ông vẫn xác nhận phần đất này là của ông T. Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà L, bà Lê Ô không đồng ý vì mẹ ý nguyện của bố mẹ tôi để lại làm nơi thờ cúng.

Ông xác nhận quan hệ huyết thống của cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 như Nguyên đơn trình bày là đúng, theo như nguyên đơn trình bày cụ V1 bố ông còn có một người con riêng là Nguyễn Văn L5 ông cũng chỉ nghe nói chứ không biết chính xác, tuy nhiên ông L5 có văn bản khước từ quyền hưởng di sản thừa kế của cụ

V1 để lại nên ông không có ý kiến gì. Ngoài ra bố mẹ ông không có người con riêng hay con nuôi nào khác. Bố mẹ ông chết đi không để lại di chúc, khi còn sống năm 2005 bố mẹ ông đã hợp chia nhà đất cho các con ai cũng có phần. bố mẹ ông để lại diện tích 123,5m² tại số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội trong diện tích trên có 40m² bố mẹ ông đã chia cho ông T, ông T đã xây nhà và ở ổn định từ đó cho đến nay. Phần 83,5m² còn lại của bố mẹ tôi năm 2010 do nhà đột nát nên tôi và ông Đ đã bán phần đất của chúng tôi được chia để xây nhà cho mẹ tôi ở và làm nơi thờ cúng bố mẹ. Tiền xây nhà là của tôi và ông Đ bỏ ra mỗi người một nửa, do đã lâu nên tôi không nhớ cụ thể số tiền xây nhà là bao nhiêu, nhà xây ba tầng. Nhà đất trên do tôi và ông Đ đang quản lý sử dụng. Ông là người bỏ tiền ra để sang áo cho bố ông, mẹ ông chết tiền làm đám tang cho mẹ ông là lấy từ tiền phúng viếng không con nào phải bỏ tiền ra. Nếu phải chia thừa kế di sản của bố mẹ tôi để lại tôi xin nhận bằng hiện vật kỷ phần ông được hưởng, đối với sợi dây chuyền vàng khi mẹ tôi chết có đưa cho tôi giữ sau đó tôi đưa lại cho bà L6, đây là kỷ vật của mẹ tôi. Nguyên đơn yêu cầu chia vàng và xác định giá vàng tại ngày xét xử ông nhất trí không có ý kiến gì.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông là con của cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1. Ông N xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ V2, cụ C1 như bà L, bà L6, ông T trình bày là đúng. Ông N xác nhận bố mẹ ông chết không để lại di chúc. Di sản bố mẹ ông để lại là nhà đất tại số A ngõ C H, Ô. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn V1, bà Hoàng Thị C1 số 210 (1 phần) tờ bản đồ số 7G III U8 tổng diện tích 123,5 m², cấp ngày 26/05/2005. Về nguồn gốc thửa đất và việc phân chia trước đây khi bố mẹ ông còn sống đã chia ông không có ý kiến gì. Bố mẹ đã chia đất và chia tiền trước đây các con đều đã được hưởng.

Phần diện tích là di sản thừa kế của bố mẹ ông đang bị ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Mạnh C quản lý, sử dụng.

Ông đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của bố mẹ ông chia đều cho các con theo đúng pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông xin nhận bằng tiền. Đối với tiền lo mai táng phí cho mẹ ông các con không ai phải bỏ ra đồng nào nên ông không yêu cầu giải quyết.

2. Bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà là con của cụ V1, cụ C1, bà xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ V1, cụ C1 như nguyên đơn, bị đơn trình bày là đúng. Bố mẹ bà chết không để lại di chúc.

Trước lúc mất bố mẹ tôi mất để lại khối di sản thửa đất số 210 (1 phần) tờ bản đồ số 7G III 48, địa chỉ số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội, diện tích 123,5 m². Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên mang tên bà Hoàng Thị C1 và ông Nguyễn Văn V1 phần đất trên đang được (3 người em tôi là Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng. Về ý kiến nguồn gốc diện

tích ban đầu 368,5m² như bà L, bà L6 trình bày là đúng. Ông Nguyễn Văn T cũng được chia ngay từ ban đầu như các anh chị em khác, ông T được chia 40m² trong phần đất 123,5m² nhưng chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà đề nghị trừ phần 40m² này cho ông T, phần còn lại là 83,5m² mới xác định là di sản thừa kế của bố mẹ bà để chia theo quy định của pháp luật. Ông T cũng vì chủ quan cứ nghĩ là giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Hoàng Thị C1 và ông Nguyễn Văn V1 thì không ai làm được gì nên nếu chia cả 123,5 m² là thiệt thòi cho ông Nguyễn Văn T. Bà khẳng định khi chia đất và tiền ban đầu thì ông T không được chia đồng nào.

Bà đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của bố mẹ bà chia đều cho các con theo đúng pháp luật nhưng phải trừ đi 40m² cho ông T còn lại 83,5m² là di sản thừa kế của bố mẹ để lại và chia theo quy định của pháp luật. Bà xin nhận bằng hiện vật.

3. Bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà là con đẻ của cụ V1, cụ C1, bà xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ V1 cụ C1 như nguyên đơn, bị đơn trình bày là đúng.

Di sản bố mẹ bà để lại là thửa đất số 210 (1 phần) tờ bản đồ số 7G III 48, địa chỉ số nhà A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội tích 123,5 m². Khi chết bố mẹ không để lại di chúc.

Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên mang tên bà Hoàng Thị C1 và ông Nguyễn Văn V1, phần đất trên đang được (3 người em của bà là Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Mạnh C, và Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng, nếu ông Đ, ông C, ông T cung cấp giấy tờ pháp lý đầy đủ thể hiện quyền sở hữu của mình trên phần đất bố mẹ bà để lại thì bà sẽ xác nhận để bảo vệ quyền lợi cho ông Đ, ông C, ông T.

Bà đề nghị tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của bố mẹ bà để lại chia đều cho các con theo đúng pháp luật. Nguyên vọng của bà xin được nhận bằng tiền.

4. Bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là con của cụ Nguyễn Văn V1 và cụ bà Hoàng Thị C1. Cụ V1, cụ C1 chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ V1, cụ C1 như nguyên đơn, bị đơn trình bày là đúng.

Ông Nguyễn Văn L5, sinh năm 1987 CCCD 001087018040 Cấp ngày 19/04/2021 là con riêng của cụ Nguyễn Văn V1 đã khước từ quyền thừa kế do cụ Nguyễn Văn V1 để lại tại phòng C3 số công chứng 1233 quyển số 03/8/2023.

Cụ V1, cụ C1 chết để lại khối di sản thừa đất số 210 (1 phần) tờ bản đồ số 7G-III- 48, địa chỉ số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội, diện tích 123,5 m². Đứng tên bà Hoàng Thị C1 và ông Nguyễn Văn V1 phần đất trên đang được Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng. Về nguồn gốc thừa đất và việc phân chia trước đây khi bố mẹ bà còn sống đã chia bà không có ý kiến gì. Bà đề nghị tòa chia di sản thừa kế trên theo quy định của pháp luật và tôi xin nhận bằng tiền.

Việc ông C khai tiền xây nhà 3 tầng tại số A ngõ C H cầu là tiền của ông C, ông Đ bán đất của các ông để xây là không đúng, bà khẳng định tiền xây nhà lấy từ tiền bán đất của mẹ bà cụ C1. Ông C bán đất của ông chỉ đủ trả nợ cờ bạc của ông C nên không có việc ông C ông Đ lấy tiền của các ông để xây nhà như ông C trình bày.

5. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S:

5.1. Bà Vũ Thị Bích L2 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1959 (chết ngày 17/7/2009). Bà và ông S có 03 người con là Nguyễn Thu H, Nguyễn Thanh H1 và Nguyễn Duy A. Ngoài ra bà và ông S không có con nuôi, ông S không có con riêng. Bố mẹ ông S là cụ Nguyễn Văn V1, sinh năm 1920 (chết ngày 05/6/2008) và cụ bà Hoàng Thị C1 (chết ngày 23/9/2020).

Bố mẹ chồng bà có 10 người con đẻ như nguyên đơn và bị đơn trình bày là đúng, ngoài ra cụ C1 còn có 01 người con riêng là Nguyễn Văn L5, ông L5 đã có văn bản khước từ nhận di sản của cụ V1 để lại.

Bố mẹ chồng bà chết đi để lại khối tài sản là thửa đất số 210 (01 phần) tờ bản đồ số 7G-III-48, địa chỉ: Số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Diện tích 123,5 m² đã được cấp GCN QSD số AB619916 do UBND quận Đ ngày 26/5/2005 cho bà Hoàng Thị C1 và ông Nguyễn Văn V1 (trong đó 40 m² của ông Nguyễn Văn T cùng chung thửa đất mang tên Nguyễn Văn V1 và bà Hoàng Thị C1). Hiện nay phân chia tài sản của cụ V1, cụ C1 là 83,5m² nhà đất do ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Mạnh C đang sử dụng và quản lý.

Bà nhất trí với ý kiến của nguyên đơn và đề nghị Toà án giải quyết chia thừa kế di sản của bố mẹ chồng bà để lại chia đều cho các con theo đúng pháp luật. Nguyên vọng của bà và các con bà xin nhận kỷ phần bằng tiền mặt.

5.2. Chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A cùng thống nhất trình bày: Các anh chị là con của ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1959 (mất 25/5/2009) và bà Vũ thị Bích L2. Ngoài các anh chị ra thì ông S, bà L2 không có người con nuôi hay con riêng nào khác. Bố mẹ đẻ ông S là cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1.

Chị H, chị H1, anh Duy A xác nhận cụ V1, cụ C1 có 10 người con như các nguyên đơn, bị đơn trình bày là đúng.

Di sản của cụ V1, cụ C1 để lại là thửa đất số 210 (01 phần) tờ bản đồ số 7G-III-18, địa chỉ: Số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Diện tích 123,5 m² đã được cấp GCN QSD số AB619916 do UBND quận Đ ngày 26/5/2005 cho bà Hoàng Thị C1 và Ông Nguyễn Văn V1 (trong đó 40 m² của ông Nguyễn Văn T cùng chung thửa đất mang tên Nguyễn Văn V1 cùng bà Hoàng Thị C1). Hiện nay phân chia tài sản của chúng tôi là 83,5m² do hai chủ là Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Mạnh C đang sử dụng và quản lý.

Chị H, chị H1, anh Duy A đề nghị Toà án nhân dân khu vực 2 giải quyết chia thừa kế di sản của cụ V1, cụ C1 chia đều cho các con theo đúng pháp luật. Chị H, chị H1, anh Duy A xin được nhận kỷ phần mà ông S được chia bằng tiền mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập bị đơn là Nguyễn Mạnh C và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Minh T1, chị Nguyễn Thị Thu T4, bà Nguyễn Thị Ngọc Y1, cháu Nguyễn Văn S1 và cháu Nguyễn Văn T2 do ông C bà Y1 đại diện đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án nhưng những người có tên nêu trên không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của những người có tên trên.

*** Tại bản án số Bản án số 53/2025/DS - ST ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội xử và quyết định:** Căn cứ Điều 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Luật người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện xin chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L và bà Nguyễn Thị Hồng L1 đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 là nhà đất tại số A ngõ C H, phường Ô, Hà Nội và 01 sợi dây chuyền vàng 99,99% có trọng lượng 13,420 chỉ vàng.

2. Xác nhận phần nhà đất có diện tích 83,5m² tại số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào phía bên tay trái có chiều rộng mặt tiền là 5,39m và chiều rộng phía sau thửa đất là 3.04m, chiều dài bên tay trái giáp ô đất trống là đường gấp khúc 21.87m + 1.03m, chiều dài của ô đất phía bên phải đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào giáp với phần đất của ông T đang sử dụng có số đo là 17.30m + 4.95m (Theo sơ đồ ông T xuất trình tòa) có giá trị là: 20.875.000.000 đồng.

3. Xác nhận di sản là bất động sản cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 để lại có giá trị: 20.875.000.000 đồng (Hai mươi tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Xác nhận di sản là động sản cụ Hoàng Thị C1 để lại là chiếc dây chuyền vàng 99,99% có mặt đá trọng lượng là 13,420 chỉ vàng có trị giá là: 143.460.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn V1 là ngày 05/6/2008, xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Hoàng Thị C1 là ngày 23/9/2020.

4.1. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn V1 gồm: Cụ Hoàng Thị C1, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn văn S (thừa kế chuyển tiếp của ông S là

Vũ Thị Bích L2, Chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A), bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị M.

Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng Thị C1 là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn văn S (thừa kế thế vị của ông S là (Chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A), bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị M.

4.2. Xác nhận cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 chết không để lại di chúc. Di sản của cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 được chia theo pháp luật. Tổng giá trị bất động sản của cụ Hoàng Thị C1 và cụ Nguyễn Văn V1 là 20.875.000.000 đồng (Hai mươi tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Giá trị tài sản là động sản của cụ Hoàng Thị C1 là: 143.460.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Chia thừa kế cho 10 người con của cụ V1, cụ C1 gồm: ông Nguyễn Văn N, người thừa kế của ông Nguyễn Văn S (là bà Vũ Thị Bích L2, chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A), bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị M mỗi người được hưởng phần giá trị là: $20.875.000.000 \text{ đồng} + 143.460.000 \text{ đồng} : 10 = 2.101.846.000 \text{ đồng}$ (Hai tỷ một trăm linh một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

5. Giao cho ông Nguyễn Văn T được toàn quyền sở hữu và sử dụng phần nhà đất có diện tích 83,5m² tại số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào phía bên tay trái có chiều rộng mặt tiền là 5,39m và chiều rộng phía sau thửa đất là 3.04m, chiều dài bên tay trái giáp ô đất trồng là đường gấp khúc 21.87m + 1.03m, chiều dài của ô đất phía bên phải đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào giáp với phần đất của ông T đang sử dụng có số đo là 17.30m + 4.95m (Theo sơ đồ thửa đất ông T xuất trình tòa).

Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng L1 toàn quyền sở hữu và sử dụng dây chuyền vàng 99,99% có mặt đá trọng lượng 13,420 chỉ vàng (hiện bà L1 đang quản lý) có trị giá 143.460.000 đồng.

5.1. Buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn S (thừa kế của ông S là bà Vũ Thị Bích L2, chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A), bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị M, mỗi người là 2.087.500.000 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng).

5.2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng L1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn S (thừa kế của ông S là bà Vũ Thị Bích L2, chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A), bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị M ký phân thừa kế họ được hưởng từ chiếc dây chuyền vàng của cụ Hoàng Thị C1 để lại là: 14.346.000 đồng.

Như vậy ông N, các thừa kế thế vị của ông S, bà V, bà D, bà L, ông Đ, ông T, bà L1, ông C, bà M mỗi người được hưởng suất thừa kế của cụ V1, cụ C1 để lại bằng tiền là 2.101.846.000 đồng (Hai tỷ một trăm linh một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Mạnh C giá trị xây dựng ngôi nhà ba tầng 1 tum là: 501.525.750 đồng, mỗi người là 250.762.875 đồng (Hai trăm năm mươi triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

6. Xác nhận 40m² nhà đất có treo biển số nhà 114 nằm trong thửa đất số 210 (01 phần), tờ bản đồ số 7G-III- 48 địa chỉ: số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội do UBND quận Đ cho cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 được thể hiện bởi các điểm 1,2,3,4 (thể hiện trong sơ đồ thửa đất kèm theo) là tài sản của ông Nguyễn Văn T đã được cụ V1, cụ C1 tặng cho ngày 25/3/2005.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng L1 thanh toán đủ các khoản phải thanh toán nêu trên, bà L1 có toàn quyền sở hữu và định đoạt đối với chiếc dây chuyền vàng 99,99% có mặt đính đã trọng lượng 13,420 chỉ vàng, ông T có toàn quyền sở hữu và sử dụng phần nhà đất có diện tích 83,5m² tại số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào phía bên tay trái có chiều rộng mặt tiền là 5,39m và chiều rộng phía sau thửa đất là 3.04m, chiều dài bên tay trái giáp ô đất trống là đường gấp khúc 21.87m + 1.03m, chiều dài của ô đất phía bên phải đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào giáp với phần đất của ông T đang sử dụng có số đo là 17.30m + 4.95m (Theo sơ đồ thửa đất ông T xuất trình tòa) và có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đất đai hoàn tất thủ tục đứng tên trên diện tích đất nêu trên.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đất đai hoàn tất thủ tục đứng tên trên diện tích đất nêu trên.

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 24/7/2025 và ngày 25/7/2025, bà Nguyễn Ngọc Y1 và ông Nguyễn Mạnh C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 24/7/2025, ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị Minh T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 24/7/2025, bà Nguyễn Thị D kháng cáo đề nghị miễn án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:**

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn quy định nên chấp nhận. Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật, quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1, đồng thời đã chia di sản thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế là đúng quy định của pháp luật. Do diện tích, chiều rộng mặt tiền của thửa đất không đảm bảo theo quy định nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho ông T được sở hữu, sử dụng toàn bộ thửa đất và toàn bộ tài sản trên đất, đồng thời phải thanh toán lại kỹ phần cho các đồng thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với thửa đất 210: Sinh thời cụ V1 và cụ C1 có thửa đất 210 diện tích 368,5m². Các đương sự cùng xác định năm 2005 và 2010 gia đình đã họp và thống nhất ông T được cho 40m² đất trong tổng diện tích 123,5m² đứng tên sở hữu của cụ C1 và cụ V1.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của ông T phù hợp Biên bản họp gia đình năm 2005, 2010, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất xác nhận của các đương sự đủ căn cứ xác định trong diện tích 123,5m² tại thửa đất 210 đã được UBND quận Đ GCNQSDĐ ngày 26/5/2005 cho cụ V1 và cụ C1 có 40m² cụ V1 và cụ C1 đã tặng cho ông T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 83,5m² là di sản của cụ V1 và cụ C1 để lại và công nhận diện tích 40m² là của ông T là có căn cứ.

Về kháng cáo của vợ chồng ông C, bà Y1 và vợ chồng ông Đ bà T1 đối với diện tích 83,5m² còn lại hiện gia đình ông C và ông Đ đang quản lý sử dụng khi còn sống cụ C1 đã di chúc miêng cho ông C và ông Đ xây nhà để làm nơi thờ cúng và để ở nên không đồng ý chia thừa kế tuy nhiên các ông bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét giải quyết. Kháng cáo của các ông bà nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

Về cách chia:

Như phân tích trên có căn cứ xác định diện tích 83,5m² còn lại trong GCNQSDĐ cấp cho cụ V1 và cụ C1 là di sản của cụ V1 và cụ C1 để lại chưa chia. Hai cụ chết không để lại di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ V1 và cụ C1 để lại cho các thừa kế (10 người) của hai cụ và giao toàn bộ diện tích thửa đất là di sản thừa kế của cụ V1 và cụ C1 để lại cho ông T quản lý, sử

dụng. Ông T5 có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế khác là có căn cứ. Ông Đ xác nhận ông và ông C cùng bỏ tiền xây dựng và có giao nộp các hoá đơn mua bán nguyên vật liệu, trùng khớp với thời gian căn nhà được xây. Do đó, có căn cứ xác định ngôi nhà trên là của riêng ông Đ và ông C. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải thanh toán cho ông C và ông Đ giá trị xây dựng căn nhà trên là có căn cứ.

Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng: Phần diện tích còn lại 83,5m² theo Giấy chứng nhận đến nay hiện trạng chỉ còn là 78,8m². Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế theo diện tích còn lại theo GCN là 83,5m² là không đúng với hiện trạng thực tế cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm về tính giá trị di sản thừa kế của cụ V1 và cụ C1 để lại theo hiện trạng thực tế là 78,8m².

Về ý kiến của ông Đ, bà T1 cho rằng tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa con trai của ông bà là Nguyễn Anh T3 vào tham gia tố tụng là vi phạm thì nhận thấy: Tại cấp sơ thẩm Tòa án đã xác minh nhân khẩu có thường trú và đang cư trú tại thửa đất 210 TBD 7G -III-48 địa chỉ 116 ngõ C H (tương ứng với nhân khẩu cư trú tại hai số nhà A ngõ C H ngõ C H) được Công an phường Ô1 cung cấp: đối với Nguyễn Anh T3 – SN 1992 đang chấp hành án phạt tù (BL576). Như vậy, tại thời điểm tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án anh T3 không sinh sống trên nhà đất tranh chấp. Bên cạnh đó, ông Đ và bà T1 trình bày công sức xây dựng nhà đất do ông bà tự bỏ tiền ra xây dựng. Do vậy, anh T3 không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bà D, sinh ngày 31/7/1957, đã trên 60 tuổi là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Kháng cáo của bà D có căn cứ chấp nhận.

Do đó đề nghị hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông C, ông Đ, bà T1 và bà Y1. Chấp nhận kháng cáo của bà D. Sửa bản án sơ thẩm và xác định di sản thừa kế của cụ V1 và cụ C1 để lại theo hiện trạng đo đạc thực tế là 78,8m². Chia di sản thừa kế của hai cụ để lại theo hiện trạng đo đạc thực tế. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm và phải chịu án phí sơ thẩm đối với kỳ phần được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong thời hạn quy định nên chấp nhận đưa ra xét phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật, quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1, đồng thời đã chia di sản thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế là đúng quy định của pháp luật. Do diện tích, chiều rộng mặt tiền của thửa đất không đảm bảo theo quy định nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho ông T được sở

hữu, sử dụng toàn bộ thửa đất và toàn bộ tài sản trên đất, đồng thời phải thanh toán lại kỹ phần cho các đồng thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét nội dung kháng cáo của ông Đ, bà T1 và ông C bà Y1 không đồng ý chia thừa kế và đề nghị giữ nguyên hiện trạng thửa đất với lý do cụ Hoàng Thị C1 có gọi vợ chồng các ông bà về xây dựng căn nhà trên thửa đất này để sinh sống và làm nhà thờ, không được mua bán chuyển nhượng. Vợ chồng ông Đ, bà T1 và vợ chồng ông C, bà Y1 xác nhận cụ Hoàng Thị C1 chỉ gọi về bằng miệng, không có giấy tờ gì. Các đương sự đều thừa nhận vợ chồng ông Đ, bà T1 và vợ chồng ông C, bà Y1 bỏ tiền xây dựng căn nhà là có căn cứ. Việc ông Đ, bà T1 trình bày vợ chồng ông còn có cháu Nguyễn Anh T3, sinh năm 1992 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, vợ chồng ông Đ, bà T1 xác định họ là người bị kiện nên không có nghĩa vụ khai báo với Tòa án cấp sơ thẩm. Mặt khác, vào thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, cháu T3 đang chấp hành hình phạt tù của bản án hình sự. Mặc dù cháu T3 là người có hộ khẩu tại địa chỉ trên và là con của ông Đ, bà T1. Nhưng trong vụ án tranh chấp chia thừa kế này chỉ xác định những người được hưởng thừa kế của cụ V1 và cụ C1 là các con của hai cụ nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cháu T3 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không làm thay đổi bản chất của vụ án. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đ, bà T1 và ông C, bà Y1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 thể hiện diện tích thửa đất là 123,5m². Tuy nhiên, căn cứ biên bản xem xét hiện trạng ngày 16/4/2025 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện diện tích là 118,8 m² (trong đó diện tích 40 m² của ông Nguyễn Văn T đã được bố mẹ chia từ trước) nên phần di sản thừa kế về quyền sử dụng đất chỉ còn lại 78,8 m² có giá trị là 19.700.000.000 đồng. Do vậy, có căn cứ để sửa bản án sơ thẩm và xác định lại giá trị của di sản thừa kế là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

Xét thấy bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957, tính đến ngày xét xử sơ thẩm đã trên 60 tuổi và thuộc diện người được miễn án phí nên chấp nhận kháng cáo của bà D về việc đề nghị xin được miễn án phí.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Vũ Thị Bích L2, bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí sơ thẩm vì là người cao tuổi.

Chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Mạnh C, bà Phạm Thị Minh T1, bà Nguyễn Ngọc Y1 và bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí. **Xử:**

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị Minh T1, ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Ngọc Y1. Sửa bản án sơ thẩm số 53/2025/DS-ST ngày 23/07/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội. **Cụ thể:**

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện xin chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Bích L và bà Nguyễn Thị Hồng L1 đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 là nhà đất tại số A ngõ C H, phường Ô, Hà Nội và 01 sợi dây chuyền vàng 99,99% có trọng lượng 13,420 chỉ vàng.

1.2. Xác nhận phần nhà đất có diện tích 78,8m² tại số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào phía bên tay trái có chiều rộng mặt tiền là 5,39m và chiều rộng phía sau thửa đất là 3.04m, chiều dài bên tay trái giáp ô đất trống là đường gấp khúc 21,87m + 1,03m, chiều dài của ô đất phía bên phải đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào giáp với phần đất của ông T đang sử dụng có số đo là 17,30m + 4,95m (Theo sơ đồ ông T xuất trình tòa) có giá trị là: 19.700.000.000 đồng.

1.3. Xác nhận di sản là bất động sản cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 để lại có giá trị 19.700.000.000 đồng (Mười chín tỷ bảy trăm triệu đồng).

Xác nhận di sản là động sản cụ Hoàng Thị C1 để lại là chiếc dây chuyền vàng 99,99% có mặt đá trọng lượng là 13,420 chỉ vàng có trị giá là 143.460.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

1.4. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn V1 là ngày 05/6/2008, xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Hoàng Thị C1 là ngày 23/9/2020.

1.4.1. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn V1 gồm: Cụ Hoàng Thị C1, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn văn S (thừa kế chuyển tiếp của ông S là Vũ Thị Bích L2, Chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A), bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị M.

Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng Thị C1 là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn văn S (thừa kế thế vị của ông S là (Chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A), bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị M.

1.4.2. Xác nhận cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 chết không để lại di chúc. Di sản của cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 được chia theo pháp luật.

Giá trị bất động sản của cụ Hoàng Thị C1 và cụ Nguyễn Văn V1 là 19.700.000.000 đồng (*Mười chín tỷ bảy trăm triệu đồng*).

Giá trị tài sản là động sản của cụ Hoàng Thị C1 là 143.460.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tổng giá trị là 19.843.460.000 đồng (*Mười chín tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Chia thừa kế cho 10 người con của cụ V1, cụ C1 gồm: ông Nguyễn Văn N, người thừa kế của ông Nguyễn Văn S (là bà Vũ Thị Bích L2, chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A), bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị M mỗi người được hưởng phần giá trị là 1.983.460.000 đồng (*Một tỷ chín trăm tám mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

1.5. Giao cho ông Nguyễn Văn T được toàn quyền sở hữu và sử dụng phần nhà đất có diện tích 78,8m² tại số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào phía bên tay trái có chiều rộng mặt tiền là 5,39m và chiều rộng phía sau thửa đất là 3,04m, chiều dài bên tay trái giáp ô đất trống là đường gấp khúc 21,87m + 1,03m, chiều dài của ô đất phía bên phải đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào giáp với phần đất của ông T đang sử dụng có số đo là 17,30m + 4,95m (Theo sơ đồ thửa đất ông T xuất trình tòa).

Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng L1 toàn quyền sở hữu và sử dụng dây chuyền vàng 99,99% có mặt đá trọng lượng 13,420 chỉ vàng (hiện bà L1 đang quản lý) có trị giá 143.460.000 đồng.

1.5.1. Buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn S (thừa kế của ông S là bà Vũ Thị Bích L2, chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A), bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị M mỗi người là 1.969.114.000 đồng (*Một tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu một trăm mười bốn nghìn đồng*).

1.5.2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng L1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn S (thừa kế của ông S là bà Vũ Thị Bích L2, chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A), bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị M kỹ phần thừa kế họ được hưởng từ chiếc dây chuyền vàng của cụ Hoàng Thị C1 để lại là 14.346.000 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Mạnh C giá trị xây dựng ngôi nhà ba tầng 1 tum là 501.525.750 đồng, mỗi

người là 250.762.875 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

1.6. Xác nhận 40m² nhà đất có treo biển số nhà 114 nằm trong thửa đất số 210 (01 phần), tờ bản đồ số 7G-III- 48 địa chỉ: số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội do UBND quận Đ cho cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 được thể hiện bởi các điểm 1,2,3,4 (thể hiện trong sơ đồ thửa đất kèm theo) là tài sản của ông Nguyễn Văn T đã được cụ Nguyễn Văn V1 và cụ Hoàng Thị C1 tặng cho ngày 25/3/2005.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng L1 thanh toán đủ các khoản phải thanh toán nêu trên, bà L1 có toàn quyền sở hữu và định đoạt đối với chiếc dây chuyền vàng 99,99% có mặt đính đá trọng lượng 13,420 chỉ vàng, ông T có toàn quyền sở hữu và sử dụng phần nhà đất có diện tích 78,8m² tại số A ngõ C H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào phía bên tay trái có chiều rộng mặt tiền là 5,39m và chiều rộng phía sau thửa đất là 3,04m, chiều dài bên tay trái giáp ô đất trống là đường gấp khúc 21,87m + 1,03m, chiều dài của ô đất phía bên phải đứng từ mặt ngõ 34 Hoàng cầu nhìn vào giáp với phần đất của ông T đang sử dụng có số đo là 17,30m + 4,95m (Theo sơ đồ thửa đất ông T xuất trình tòa) và có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai hoàn tất thủ tục đứng tên trên diện tích đất nêu trên.

Ông Nguyễn Văn T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai hoàn tất thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất trên diện tích thửa đất số 210 (01 phần), tờ bản đồ số 7G-III- 48 có địa chỉ số A ngõ C phố H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội do UBND quận Đ, Hà Nội cấp ngày 26/5/2005 cho cụ Hoàng Thị C1 và cụ Nguyễn Văn V1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai có trách nhiệm hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất cho ông Nguyễn Văn T theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng N1 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Vũ Thị Bích L2 không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí sơ thẩm số 0002668 ngày 28/9/2023 và 0019098 ngày 20/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội (Nay là Phòng THADS khu vực 2 - H3).

Bà Nguyễn Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M mỗi người phải chịu 71.503.800 đồng (*Bảy mươi một triệu năm trăm lẻ ba nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Mạnh C mỗi người phải chịu 71.503.800 đồng (*Bảy mươi một triệu năm trăm lẻ ba nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003019 ngày 04/8/2025 và biên lai thu số 0003022 ngày 04/8/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Mạnh C còn phải nộp 71.203.800 đồng (*Bảy mươi một triệu hai trăm lẻ ba nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hồng L1 phải chịu 71.503.800 đồng (*Bảy mươi một triệu năm trăm lẻ ba nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ với số tiền 22.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0002668 ngày 28/9/2023 và 0019099 ngày 20/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa (Nay là Phòng THADS khu vực 2 - H3). Bà Nguyễn Thị Hồng L1 còn phải nộp 49.503.800đ (*Bốn mươi chín triệu năm trăm lẻ ba nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thanh H1 và anh Nguyễn Duy A (người thừa kế của ông Nguyễn Văn S) phải chịu 56.647.785 đồng (*Năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Minh T1 và bà Nguyễn Ngọc Y1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003331 ngày 05/8/2025 và biên lai thu số 0003021 ngày 04/8/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND Hà Nội;
- TAND khu vực 2 - HN;
- Phòng THADS khu vực 2 - HN;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng

